

XIII. PHỤ SẢN

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
		A	B	C	D
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. SẢN KHOA				
1.	Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cài răng lược	x	*	*	
2.	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	x	x		
3.	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp	x	x		
4.	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan, huyết học, nội tiết...)	x	x		
5.	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)	x	x		
6.	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...)	x	x		
7.	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	x	x	x	
8.	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B- lynch...)	x	x	x	
9.	Phẫu thuật cắt tử cung tình trạng người bệnh nặng, viêm phúc mạc nặng, kèm vỡ tạng trong tiểu khung, vỡ tử cung phức tạp	x	x		
10.	Phẫu thuật cắt tử cung và thắt động mạch hạ vị do chảy máu thứ phát sau phẫu thuật sản khoa	x	x		
11.	Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp cứu sản phụ khoa	x	x		
12.	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa	x	x	x	
13.	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung	x	x	x	
14.	Phẫu thuật tổn thương đường tiêu hoá do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa	x	x		
15.	Phẫu thuật tổn thương đường tiết niệu do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa	x	x		
16.	Phẫu thuật tổn thương mạch máu do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa	x	x		
17.	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai	x	x		
18.	Khâu tử cung do nạo thủng	x	x	x	
19.	Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng	x	x		
20.	Gây chuyển dạ bằng thuốc	x	x		
21.	Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm	x	x	x	
22.	Đẻ chỉ huy bằng truyền oxytocin tĩnh mạch	x	x	x	
23.	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng	x	x	x	

	monitor sản khoa				
24.	Đỡ đẻ ngôi ngược (*)	X	X	X	
25.	Nội xoay thai	X	X	X	
26.	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên	X	X	X	
27.	Forceps	X	X	X	
28.	Giác hút	X	X	X	
29.	Soi ối	X	X	X	
30.	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	X	X	X	
31.	Thủ thuật cặp, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)	X	X	X	
32.	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn	X	X	X	
33.	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	X	X	X	X
34.	Cắt và khâu tầng sinh môn	X	X	X	X
35.	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ	X	X	X	X
36.	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau	X	X	X	X
37.	Kiểm soát tử cung	X	X	X	X
38.	Bóc rau nhân tạo	X	X	X	X
39.	Kỹ thuật bấm ối	X	X	X	X
40.	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	X	X	X	X
41.	Khám thai	X	X	X	X
42.	Nút mạch cầm máu trong sản khoa	X			
43.	Sinh thiết gai rau	X			
44.	Hủy thai: cắt thai nhi trong ngôi ngang	X	X		
45.	Hủy thai: chọc óc, kẹp sọ, kéo thai	X	X		
46.	Chọc ối điều trị đa ối	X	X		
47.	Chọc ối làm xét nghiệm tế bào	X	X		
48.	Nong cổ tử cung do bé sản dịch	X	X	X	
49.	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ	X	X	X	
50.	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút	X	X	X	
51.	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại	X	X	X	
52.	Khâu vòng cổ tử cung	X	X	X	
53.	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	X	X	X	
54.	Chích áp xe tầng sinh môn	X	X	X	
	B. PHỤ KHOA				
55.	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn và vét hạch chậu	X			
56.	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn và vét hạch chậu	X			
57.	Phẫu thuật nội soi vét hạch tiểu khung	X			
58.	Phẫu thuật nội soi cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn	X			
59.	Phẫu thuật cắt ung thư buồng trứng + tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn	X	X		
60.	Phẫu thuật Second Look trong ung thư buồng trứng	X	X		
61.	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	X	X		
62.	Phẫu thuật Wertheim (cắt tử cung tận gốc + vét hạch)	X	X		

63.	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn	x	x		
64.	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	x	x		
65.	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	x	x		
66.	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo có sự hỗ trợ của nội soi	x	x		
67.	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo	x	x		
68.	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	x	x		
69.	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối	x	x		
70.	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	x	x	x	
71.	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	x	x	x	
72.	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	x	x	x	
73.	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiêu khung, viêm phần phụ, ú mủ vòi trứng	x	x		
74.	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiêu khung, viêm phần phụ, ú mủ vòi trứng	x	x		
75.	Phẫu thuật khối viêm dính tiêu khung	x	x		
76.	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ	x	x		
77.	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung	x	x		
78.	Phẫu thuật nội soi treo buồng trứng	x	x		
79.	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai	x	x		
80.	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x	
81.	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung	x	x	x	
82.	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản	x	x	x	
83.	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ	x	x	x	
84.	Chọc nang buồng trứng đường âm đạo dưới siêu âm	x	x		
85.	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung	x	x		
86.	Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung	x	x	x	
87.	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	x	x		
88.	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung vỡ	x	x		
89.	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán + tiêm MTX tại chỗ điều trị thai ngoài tử cung	x	x		
90.	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ	x	x	x	
91.	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung vỡ có choáng	x	x	x	
92.	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có choáng	x	x	x	
93.	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	x	x	x	
94.	Phẫu thuật nội soi tạo hình vòi trứng, nối lại vòi trứng	x	x		
95.	Phẫu thuật mở bụng tạo hình vòi trứng, nối lại vòi trứng	x	x		
96.	Vi phẫu thuật tạo hình vòi trứng, nối lại vòi trứng	x	x		
97.	Phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh (soi buồng tử cung + nội soi ổ bụng)	x	x		

98.	Phẫu thuật treo bàng quang và trực tràng sau mổ sa sinh dục	x			
99.	Phẫu thuật nội soi sa sinh dục nữ	x	x		
100.	Đặt mảnh ghép tổng hợp điều trị sa tạng vùng chậu	x	x		
101.	Phẫu thuật Crossen	x	x		
102.	Phẫu thuật Manchester	x	x		
103.	Phẫu thuật Lefort	x	x		
104.	Phẫu thuật Labhart	x	x		
105.	Phẫu thuật treo tử cung	x	x		
106.	Phẫu thuật tạo hình tử cung (Strassman, Jones)	x	x		
107.	Phẫu thuật tạo hình âm đạo (nội soi kết hợp đường dưới)	x	x		
108.	Phẫu thuật tạo hình âm đạo do dị dạng (đường dưới)	x	x		
109.	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo	x	x		
110.	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại	x	x		
111.	Phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	x	x		
112.	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp	x	x		
113.	Mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung	x	x		
114.	Bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi di căn âm đạo	x	x		
115.	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng	x	x		
116.	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	x	x		
117.	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường bụng	x	x		
118.	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo	x	x		
119.	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo kết hợp nội soi	x	x		
120.	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục	x	x		
121.	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc	x	x		
122.	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt Polip buồng tử cung	x	x		
123.	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)	x	x		
124.	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung	x	x		
125.	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn tử cung	x	x		
126.	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung	x	x		
127.	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	x	x		
128.	Nội soi buồng tử cung can thiệp	x	x		
129.	Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung	x	x		

130.	Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung	x	x		
131.	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa	x	x		
132.	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa	x	x		
133.	Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng tử cung	x	x		
134.	Phẫu thuật TOT điều trị són tiểu	x	x		
135.	Phẫu thuậtTVT điều trị són tiểu	x	x		
136.	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa	x	x	x	
137.	Chọc hút dịch màng bụng, màng phổi do quá kích buồng trứng	x	x		
138.	Tiêm hoá chất tại chỗ điều trị chửa ở cổ tử cung	x	x		
139.	Tiêm nhân Chorio	x	x		
140.	Khoét chóp cổ tử cung	x	x		
141.	Cắt cụt cổ tử cung	x	x		
142.	Thủ thuật LEEP (cắt cổ tử cung bằng vòng nhiệt điện)	x	x		
143.	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung	x	x	x	
144.	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	x	x	x	
145.	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...	x	x	x	
146.	Điều trị viêm dính tiêu khung bằng hồng ngoại, sóng ngắn	x	x	x	
147.	Cắt u thành âm đạo	x	x	x	
148.	Lấy dị vật âm đạo	x	x	x	
149.	Khâu rách cùng đồ âm đạo	x	x	x	
150.	Làm lại thành âm đạo, tăng sinh môn	x	x	x	
151.	Chích áp xe tuyến Bartholin	x	x	x	
152.	Bóc nang tuyến Bartholin	x	x	x	
153.	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	x	x	x	
154.	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo	x	x	x	
155.	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tăng sinh môn	x	x	x	
156.	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính	x	x	x	
157.	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	x	x	x	
158.	Nạo hút thai trứng	x	x	x	
159.	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	x	x	x	
160.	Chọc dò túi cùng Douglas	x	x	x	
161.	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ	x	x	x	
162.	Chọc dẫn lưu dịch cổ chướng trong ung thư buồng trứng	x	x	x	
163.	Chích áp xe vú	x	x	x	
164.	Khám nam khoa	x	x	x	
165.	Khám phụ khoa	x	x	x	x
166.	Soi cổ tử cung	x	x	x	x
167.	Làm thuốc âm đạo	x	x	x	x
168.	Cắt vú theo phương pháp Patey + vét hạch nách	x	x		
169.	Phẫu thuật cắt khối u vú ác tính + vét hạch nách	x	x		

170.	Cắt ung thư vú tiết kiệm da - tạo hình ngay	x	x		
171.	Tái tạo tuyến vú sau cắt ung thư vú	x	x		
172.	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	x	x		
173.	Sinh thiết hạch gác (cửa) trong ung thư vú	x	x		
174.	Cắt u vú lành tính	x	x	x	
175.	Bóc nhân xơ vú	x	x	x	
176.	Cắt âm hộ + vét hạch bẹn hai bên	x	x		
177.	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	x	x	x	
	C. SƠ SINH				
178.	Thay máu sơ sinh	x	x		
179.	Khám mắt sơ sinh non tháng để tầm soát bệnh lý võng mạc	x	x		
180.	Bơm Surfactant thay thế qua nội khí quản	x	x		
181.	Nuôi dưỡng sơ sinh qua đường tĩnh mạch	x	x		
182.	Laser điều trị bệnh lý võng mạc sơ sinh (ROP)	x	x		
183.	Đặt ống thông tĩnh mạch trung tâm sơ sinh	x	x		
184.	Chọc dò màng bụng sơ sinh	x	x		
185.	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh	x	x	x	
186.	Đặt nội khí quản cấp cứu sơ sinh + thở máy	x	x	x	
187.	Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi)	x	x	x	
188.	Chọc dò tủy sống sơ sinh	x	x	x	
189.	Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn	x	x	x	
190.	Truyền máu sơ sinh	x	x	x	
191.	Chọc hút dịch, khí màng phổi sơ sinh	x	x	x	
192.	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh	x	x	x	
193.	Rửa dạ dày sơ sinh	x	x	x	
194.	Ép tim ngoài lồng ngực	x	x	x	
195.	Dẫn lưu màng phổi sơ sinh	x	x	x	
196.	Khám sơ sinh	x	x	x	x
197.	Chăm sóc rốn sơ sinh	x	x	x	x
198.	Tắm sơ sinh	x	x	x	x
199.	Đặt sonde hậu môn sơ sinh	x	x	x	x
200.	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh	x	x	x	x
201.	Hồi sức sơ sinh ngạt sau sinh	x	x	x	x
202.	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh	x	x	x	x
	D. HỖ TRỢ SINH SẢN				
203.	Hỗ trợ phôi nở	x			
204.	Chọc hút noãn	x	x		
205.	Chuyển phôi	x	x		
206.	Nuôi cấy noãn chưa trưởng thành	x	x		
207.	Nuôi cấy phôi	x	x		
208.	Trữ lạnh phôi, noãn	x	x		
209.	Rã đông phôi, noãn	x	x		

210.	Trữ lạnh tinh trùng	x	x		
211.	Rã đông tinh trùng	x	x		
212.	Chọc hút tinh hoàn, mào tinh hoàn lấy tinh trùng	x	x		
213.	Phẫu thuật lấy tinh trùng	x	x		
214.	Tiêm tinh trùng vào bào tương của noãn (ICSI)	x	x		
215.	Chuyển phôi, giao tử vào vòi tử cung (ZIFT, GIFT)	x	x		
216.	Sinh thiết phôi chẩn đoán	x	x		
217.	Sinh thiết tinh hoàn, mào tinh	x	x		
218.	Giảm thiểu phôi	x	x		
219.	Lọc rửa tinh trùng	x	x	x	
220.	Bơm tinh trùng vào buồng tử cung (IUI)	x	x	x	
	D. KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH				
221.	Phẫu thuật nội soi lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng	x	x		
222.	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ	x	x	x	
223.	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ	x	x	x	
224.	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	x	x	x	
225.	Cây - tháo thuốc tránh thai (loại nhiều nang)	x	x	x	
226.	Cây - tháo thuốc tránh thai (loại một nang)	x	x	x	
227.	Triệt sản nam (bằng dao hoặc không bằng dao)	x	x	x	
228.	Đặt và tháo dụng cụ tử cung	x	x	x	x
	E. PHÁ THAI				
229.	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 9 tuần	x			
230.	Phá thai to từ 13 tuần đến 22 tuần bằng phương pháp đặt túi nước	x			
231.	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8 tuần	x	x		
232.	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai từ 13 tuần đến hết tuần 22	x	x		
233.	Phá thai bằng phương pháp nong và gắp từ tuần thứ 13 đến hết tuần thứ 18	x	x		
234.	Phá thai bệnh lý (bệnh lý mẹ, bệnh lý thai)	x	x		
235.	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ	x	x		
236.	Hút thai có kiểm soát bằng nội soi	x	x		
237.	Hút thai dưới siêu âm	x	x		
238.	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không	x	x	x	
239.	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần	x	x	x	
240.	Hút thai + Triệt sản qua đường rạch nhỏ	x	x	x	
241.	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	x	x	x	x

Những kỹ thuật có dấu (*) chỉ định chuyên tuyến.